

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký,**  
**quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch**  
**tại UBND xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp;

Xét Báo cáo số 14/BC-ĐTTr ngày 30/7/2020 của Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 53/QĐ-STP ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Sở pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Bình Hải, Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Giám đốc Sở Tư pháp kết luận việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Trị như sau:

**I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ**

**1. Đặc điểm, tình hình đơn vị**

Xã Bình Trị nằm về phía đông huyện Bình Sơn, cách trung tâm huyện khoảng 13km; phía đông giáp xã Bình Hải và biển Đông, phía tây giáp xã Bình Phước, phía nam giáp xã Bình Hòa, phía bắc giáp xã Bình Thuận. Bình Trị có diện tích tự nhiên 1.849,31 ha, dân số 2.891 hộ, với 7.829 nhân khẩu; là xã nằm trong Khu kinh tế Dung Quất, tình hình kinh tế - xã hội tương đối ổn định.

Về hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tư pháp hộ tịch, nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác này, trong năm qua, Lãnh đạo UBND xã Bình Trị đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công chức tư pháp hộ tịch xã thực hiện tốt các quy định về lĩnh vực tư pháp hộ tịch. Trong đó, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về các lĩnh vực đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được quan tâm, thường xuyên chỉ đạo thực hiện. Hằng năm, UBND xã có kế hoạch cụ thể để tuyên truyền, phổ biến như: thông qua Đài truyền thanh của thị trấn, qua các buổi phổ biến giáo dục pháp luật, các buổi sinh hoạt, họp tổ dân phố, khu dân cư. Hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của cán bộ, công chức, Nhân dân; củng cố hiệu quả hoạt động công tác tư pháp ở địa phương. Về việc thực hiện công khai thủ tục hành chính đối với công tác tư pháp hộ tịch, UBND xã Bình Trị đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực tại bộ phận một cửa của UBND xã theo đúng quy định.

Về biên chế tham mưu công tác tư pháp hộ tịch, UBND xã Bình Trị bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của công chức tư pháp hộ tịch cấp xã. Về cơ sở vật chất, UBND xã đã trang bị tương đối đầy đủ các điều kiện thiết yếu để đáp ứng nhu cầu công tác tư pháp hộ tịch.

## 2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, UBND xã Bình Trị đã thực hiện đăng ký 782 sự kiện hộ tịch và chứng thực 455 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

### a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	288	
Trong đó: - Đúng hạn	122	
- Quá hạn	16	
- Đăng ký lại	150	
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	139	
Đăng ký kết hôn	67	
Đăng ký khai tử	137	
Trong đó: - Đúng hạn	25	
- Quá hạn	112	
- Đăng ký lại	0	
Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	0	
Đăng ký nhận cha, mẹ, con	0	
Sự kiện hộ tịch khác	0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>631</b>	

### b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Ghi chú
Chuyển nhượng	91	
Tặng cho	149	
Thế chấp	03	
Phân chia di sản thừa kế	11	
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	07	
<b>Tổng cộng</b>	<b>261</b>	

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Đoàn Thanh tra đã trực tiếp kiểm tra hồ sơ, sổ sách và xem xét ngẫu nhiên một số hồ sơ về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch UBND xã Bình Trị đã thực hiện từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, kết quả cụ thể như sau:

## **1. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch**

### **1.1. Sổ hộ tịch**

- Sổ đăng ký khai sinh chưa ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: *“Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”*. Cụ thể: Tại sổ đăng ký 08/2019, không ghi thông tin dân tộc, quốc tịch của cha mẹ; số 211/2019, không ghi nơi cư trú của người cha.

- Hồ sơ đăng ký khai sinh số 57/2019, đăng ký khai sinh cho Đỗ Lê Anh Kiệt, mẹ là Lê Thị Tình, không có thông tin người cha nhưng họ của con không đăng ký theo họ của mẹ; vi phạm khoản 2 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: *“Trường hợp chưa xác định được cha thì khi đăng ký khai sinh họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống”*.

- Sổ hộ tịch thiếu chữ ký của người đăng ký hộ tịch. Cụ thể: Sổ đăng ký khai sinh, các sổ đăng ký 62, 112, 200/2019, không có chữ ký của người đi khai sinh; Sổ đăng ký khai tử, các sổ đăng ký 134, 135, 136/2019, không có chữ ký của người đi khai tử. Các trường hợp này, vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch năm 2014: *“Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch”* và khoản 2 Điều 34 Luật Hộ tịch năm 2014: *“Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử”*.

### **1.2. Hồ sơ hộ tịch**

- Hầu hết các trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, người được ủy quyền đăng ký là cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người ủy quyền nhưng không có văn bản ủy quyền là chưa đúng thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 15/2015/TT-BTP: *“Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; phạm vi ủy quyền có thể gồm toàn bộ công việc theo trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch từ khi nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả đăng ký hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của*

*người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền”.*

- Hồ sơ các số 99, 232, 262/2019, sử dụng bản sao có chứng thực từ bản chính Giấy chứng sinh; vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP: *“Người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay Giấy chứng sinh theo quy định”.*

- Một số trường hợp đăng ký lại không đúng quy định. Cụ thể: hồ sơ số 220/2019, nội dung Sổ Hộ khẩu ghi sinh năm 1961, nội dung Giấy Chứng minh nhân dân ghi sinh ngày 05/10/1965 nhưng nội dung đăng ký lại khai sinh ghi sinh ngày 05/10/1965; hồ sơ số 194/2019, nội dung Sổ Hộ khẩu và Giấy Chứng minh nhân dân ghi sinh ngày 10/8/1929, nội dung Quyết định trợ cấp 1 lần ghi sinh năm 1926 nhưng nội dung đăng ký lại khai sinh ghi sinh ngày 10/8/1926; hồ sơ số 123/2019, nội dung Sổ Hộ khẩu ghi sinh ngày 10/6/1939, nội dung Giấy Chứng minh nhân dân ghi sinh ngày 22/9/1939 nhưng nội dung đăng ký lại khai sinh ghi sinh ngày 22/9/1939; hồ sơ số 07/2019, nội dung Giấy Chứng minh nhân dân ghi sinh ngày 12/11/1950 nhưng nội dung đăng ký lại khai sinh ghi sinh ngày 12/10/1950. Việc đăng ký lại như trên, vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *“Trường hợp người yêu cầu có bản sao Giấy khai sinh trước đây được cấp hợp lệ thì nội dung đăng ký khai sinh được ghi theo nội dung bản sao Giấy khai sinh; phần khai về cha, mẹ được ghi theo thời điểm đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên”.*

- Hồ sơ đăng ký lại khai sinh các số 119, 127, 143, 212, 213/2019, hồ sơ chỉ có Giấy Chứng minh nhân dân; các số 49, 160, 161, 227/2019, hồ sơ chỉ có Tờ khai đăng ký lại khai sinh; các số 59, 88, 159, 199/2019, hồ sơ chỉ có Sổ hộ khẩu; hầu hết hồ sơ đăng ký lại khai sinh đều không có văn bản cam đoan đã nộp đủ giấy tờ mình có. Việc thực hiện này vi phạm thủ tục quy định tại Điều 9 Thông tư 15/2015/TT-BTP: *“Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh phải nộp bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao được công chứng, chứng thực hợp lệ, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh) hoặc bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. Trong trường hợp không có các loại giấy tờ trên thì nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan đào tạo, quản lý giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân; Giấy tờ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có”.*

- Hồ sơ đăng ký lại kết hôn số 27/2019, không có giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký kết hôn; vi phạm khoản 1 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP: *“Hồ sơ đăng ký lại kết hôn gồm: Tờ khai theo mẫu quy định; bản sao Giấy chứng nhận*

*kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn”.*

- Hồ sơ đăng ký khai tử không có Giấy báo tử. Cụ thể: Số 03/2019, đăng ký khai tử cho người chết tại Bệnh viện Đà Nẵng; hồ sơ 120/2019, đăng ký khai tử cho người chết tại Bệnh viện Sản nhi Đà Nẵng. Các trường hợp này thực hiện không đúng thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch và điểm a, điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP: *“Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Đối với người chết tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế cấp Giấy báo tử; Đối với người chết không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d của Khoản 2 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết có trách nhiệm cấp Giấy báo tử”.*

## **2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch**

### **2.1. Hồ sơ, sổ sách**

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không đóng dấu giáp lai theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch: *“Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu”.*

- Thông tin về quyền số ghi ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyền số ở phần số chứng thực ghi ở trang lời chứng không thống nhất. Bìa sổ chứng thực, UBND xã ghi quyền số 01/2018 nhưng tại trang lời chứng lại ghi quyền số 01/2019. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Số chứng thực là số thứ tự ghi trong sổ chứng thực, kèm theo quyền số, năm thực hiện chứng thực và ký hiệu loại việc chứng thực. Số thứ tự trong sổ chứng thực phải ghi liên tục từ số 01 cho đến hết năm, trường hợp chưa hết năm mà sử dụng sang sổ khác thì phải lấy số thứ tự tiếp theo của sổ trước, không được ghi từ số 01. Đối với sổ được sử dụng tiếp cho năm sau thì trường hợp chứng thực đầu tiên của năm sau sẽ ghi bắt đầu từ số 01, không được lấy tiếp số thứ tự cuối cùng của năm trước. Số ghi trong văn bản chứng thực là số tương ứng với số chứng thực đã ghi trong sổ chứng thực”.* Cụ thể, về cách ghi quyền số ở bìa Sổ chứng thực, theo hướng dẫn tại Phụ lục được ban hành theo điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: Thông tin về quyền số phải ghi số quyền, năm thực hiện chứng thực (ví dụ: 01/2019); nếu một năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp (ví dụ: 02/2019); trường hợp một sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm (ví dụ: 01/2018 + 01/2019 + 01/2020).

- Hồ sơ chứng thực lưu thiếu các giấy tờ theo quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Trường hợp chứng thực số 211, chứng thực ngày 29/10/2019 và hồ sơ chứng thực các số 143, 144, 145, 146, chứng thực ngày 01/8/2019, lưu thiếu Giấy Chứng minh nhân dân.

+ Hồ sơ chứng thực số 195, chứng thực ngày 09/10/2019, hồ sơ không lưu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các trường hợp này vi phạm thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP:

*“Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:*

- a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch;*
- b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực;*
- c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng”.*

Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch phải được lưu trữ trong thời hạn 20 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Một số trường hợp hồ sơ thiếu các giấy tờ có liên quan đến nội dung chứng thực hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

+ Trường hợp chứng thực số 206, chứng thực ngày 24/10/2019, UBND xã chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng hồ sơ không có giấy tờ chứng minh quyền thừa kế của những người thừa kế.

+ Một số trường hợp thông tin trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa nhưng hồ sơ chứng thực không thể hiện bên nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: hợp đồng chứng thực các số 132, 133, 134, chứng thực ngày 25/7/2019. Theo Điều 191 Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa.

## **2.2. Nội dung, hình thức hợp đồng, giao dịch**

- Trường hợp chứng thực số 213, chứng thực ngày 31/10/2019 và số 184 chứng thực ngày 16/9/2019, nội dung lời chứng không đúng theo mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Lời chứng hợp đồng thế chấp số 184, chứng thực ngày 16/9/2019, nội dung lời chứng không chứng thực về chữ ký, điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng; vi phạm quy định về trách nhiệm của người thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch;*

*năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội”.*

- Trường hợp chứng thực số 232, ngày 27/11/2019, chứng thực hợp đồng tặng cho giữa bên tặng cho là hộ bà Đoàn Thị Lâm và bên nhận tặng cho là Nguyễn Thị Diệu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ bà Đoàn Thị Lâm năm 2017 (thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2063), hồ sơ lưu Sổ hộ khẩu hộ bà Đoàn Thị Lâm cấp năm 2015 có Nguyễn Thị Hằng sinh ngày 20/10/1994 nhưng hợp đồng không có chữ ký của Nguyễn Thị Hằng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác”.*

- Hồ sơ chứng thực văn bản từ chối nhận di sản thừa kế số 257, chứng thực ngày 25/12/2019, văn bản từ chối nhưng nội dung là tặng cho phần di sản được thừa kế là không phù hợp. Trong trường hợp này, công chức tư pháp hộ tịch hướng dẫn công dân lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, kê khai đầy đủ những người thừa kế hàng thứ nhất của người để lại di sản, liệt kê di sản để lại, nội dung thỏa thuận của những người được thừa kế di sản (trong đó, có thể tặng cho phần di sản được thừa kế).

### **III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN**

#### **1. Ưu điểm**

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Trị trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; bộ thủ tục hành chính về hộ tịch và chứng thực được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã; chưa phát sinh trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

#### **2. Những tồn tại, sai sót**

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại UBND xã Bình Trị, tuy đã đạt được một số mặt tích cực nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn vi phạm một số quy định của pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

##### **2.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch**

- Sổ đăng ký khai sinh chưa ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP; Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký khai tử thiếu chữ ký của người đăng ký, vi phạm khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 34 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Một trường hợp hồ sơ đăng ký khai sinh không có thông tin người cha nhưng họ của con không đăng ký theo họ của mẹ; vi phạm khoản 2 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- Hồ sơ đăng ký khai sinh còn một số trường hợp sử dụng bản sao có chứng thực từ bản chính Giấy chứng sinh; vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP.

- Một số trường hợp đăng ký lại khai sinh không đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư 15/2015/TT-BTP.

- Một trường hợp đăng ký lại kết hôn không có giấy tờ, tài liệu làm căn cứ đăng ký kết hôn, vi phạm khoản 1 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP.

- Hồ sơ đăng ký khai tử có một số trường hợp không có Giấy báo tử, không đúng thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch và điểm a, điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP.

## ***2.2. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch***

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch không đóng dấu giáp lai theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Thông tin về quyền số ghi ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyền số ở phần sổ chứng thực ghi ở trang lời chứng không thống nhất.

- Hồ sơ chứng thực còn một số trường hợp lưu thiếu các giấy tờ theo quy định về thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Nội dung lời chứng không đúng theo mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; còn trường hợp nội dung lời chứng không chứng thực về chữ ký, điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng; vi phạm quy định về trách nhiệm của người thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Còn trường hợp hợp đồng chứng thực đối với quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nhưng hợp đồng không có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong hộ gia đình, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## **3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan**

Chủ tịch UBND xã Bình Trị là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi mảng công tác này nhưng trong quá trình thực hiện, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục. Đồng thời, công chức tư pháp - hộ tịch, khi tiếp nhận hồ sơ của người dân đến thực hiện các thủ tục về đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch chưa kiểm tra để thiếu các giấy tờ, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn xã Bình Trị còn một số thiếu sót như đã nêu trên.

## **IV. KIẾN NGHỊ**



Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kết luận một số nội dung sau:

## **1. UBND xã Bình Trị**

**1.1.** Lãnh đạo UBND xã Bình Trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức tư pháp – hộ tịch trong việc thực hiện các công tác này.

Công chức tư pháp – hộ tịch xã cần chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công để thực hiện tốt hơn trong việc hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật; từ đó, tham mưu tốt hơn cho Lãnh đạo UBND xã trong hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp – hộ tịch.

**1.2.** Đề nghị Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức tư pháp hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Bổ sung thông tin vào các trường hợp còn thiếu thông tin trong Sổ đăng ký khai sinh (*số 08/2019, số 211/2019*).

+ Bổ sung chữ ký vào các trường hợp còn thiếu chữ ký trong Sổ đăng ký khai sinh (*các sổ đăng ký 62, 112, 200/2019*), Sổ đăng ký khai tử (*các sổ đăng ký 134, 135, 136/2019*).

+ Bổ sung hồ sơ đăng ký lại khai sinh, đăng ký lại kết hôn theo đúng quy định (*Cụ thể: hồ sơ đăng ký lại khai sinh các số 07, 49, 59, 88, 119, 123, 127, 143, 159, 161, 194, 199, 212, 213, 220, 227/2019; hồ sơ đăng ký lại kết hôn số 27/2019*).

- Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Từ ngày 20/4/2020, mẫu lời chứng đối với chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện theo mẫu lời chứng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định.

+ Thực hiện đóng dấu giáp lai, khóa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tin về quyền số ở bìa sổ chứng thực và thông tin về quyền số ở trang lời chứng ghi theo đúng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 và điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Bổ sung Giấy chứng minh nhân dân của người yêu cầu chứng thực vào hồ sơ chứng thực các số 143, 144, 145, 146, chứng thực ngày 01/8/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào hồ sơ chứng thực số 195, chứng thực ngày 09/10/2019.

**1.3.** Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND xã Bình Trị và công chức tư pháp hộ tịch xã nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

**1.4.** Về công tác chứng thực:

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trình độ, năng lực bình thường thì một công chức cấp xã bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Bình Trị phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất. Với trách nhiệm là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, Chủ tịch UBND xã cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch.

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã Bình Trị có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

**2. Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn**

Đề nghị Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã; có biện pháp, hình thức tuyên truyền rộng rãi, đạt hiệu quả hơn cho Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao ý thức chấp

hành các quy định pháp luật của người dân, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Yêu cầu UBND xã Bình Trị tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, kết quả thực hiện Kết luận thanh tra phải báo cáo về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

**2.** Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

### ***Nơi nhận:***

- UBND xã Bình Trị;
- Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn;
- Thanh tra Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Tập**